TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2019/HNGĐ-PT Ngày 01-10-2019 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản và trách nhiệm trả nợ khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa;

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019, về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản và trách nhiệm trả nợ khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nông Thị Kim H; địa chỉ: Khu tập thể N, thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (thuê trọ), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nông Tiến C, Phó trưởng phòng K của trường S Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Ngọc A; địa chỉ: Khu tập thể N, thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng C Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng); người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, Phó Giám đốc Ngân hàng C Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn; địa chỉ: Đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn

(văn bản ủy quyền số 1305/UQ-NHCT18 ngày 14/12/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng C Việt Nam), vắng mặt.

2. Công ty E (gọi tắt là Công ty E); người đại diện: Ông Nguyễn Văn T, Tổng giám đốc; địa chỉ: P, quận L, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

3. Chị Lương Thúy H; địa chỉ: Đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Anh Hoàng Ngọc Q, chị Nông Bích H, anh Lê Đức L; cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 15 tháng 11 năm 2004. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ngày 25 tháng 9 năm 2018 chị Nông Thị Kim H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Hoàng Ngọc A. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A có 02 con chung là cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2007 và cháu Hoàng Phi H, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2011. Khi ly hôn, chị Nông Thị Kim H có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh Hoàng Ngọc A cấp dưỡng nuôi con một lần với mức cấp dưỡng là 4.000.000 đồng/tháng/con. Các cháu Hoàng Ngọc L và cháu Hoàng Phi H đều có nguyện vọng ở với mẹ nên anh Hoàng Ngọc A đồng ý để chị Nông Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng/con.

Về tài sản chung:

Chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A thừa nhận thửa đất số 139, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính xã M và công trình gắn liền trên đất; địa chỉ Khu tập thể N, thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là tài sản chung của vợ chồng. Trước khi kết hôn với chị Nông Thị Kim H, anh Hoàng Ngọc A là công nhân của Nhà máy X Lạng Sơn nên được mua hóa giá căn hộ tập thể của Nhà máy X Lạng Sơn. Năm 2007 anh Hoàng Ngọc A được mua hóa giá quyền sử dụng đất (thửa đất có căn hộ tập thể nói trên), sau đó anh chị làm thủ tục kê khai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21 tháng 3 năm 2018 mang tên cả 02 vợ chồng. Đến khoảng năm 2013 - 2014 thì tiến hành nâng tường, nâng mái, làm gác xép và cầu thang lên gác xép, sơn nhà, sửa bếp, xây thêm 01 WC, lắp dàn năng lượng mặt trời; hiện trạng nhà đất được mô tả tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Theo kết quả

định giá của Hội đồng định giá, quyền sử dụng đất trị giá 574.400.000 đồng, công trình vật kiến trúc trên đất trị giá 82.863.400 đồng. Khi ly hôn, chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A đều yêu cầu được hưởng 2/3 giá trị nhà đất và yêu cầu được chia tài sản bằng hiện vật.

Ngoài ra, chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A còn mua sắm được: 01 Tivi Sony 55inch, 01 tủ lạnh Toshiba, 01 giường gỗ mua năm 2019; theo kết quả định giá những tài sản này có tổng trị giá 12.400.000 đồng. Bên cạnh đó còn có một số tài sản đã hết khấu hao nên các đương sự không yêu cầu định giá gồm: 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 kệ gỗ, 01 vi ti Sony 32 inch, 01 tivi Panasonic, 01 sập khuôn tranh, 01 tủ gỗ 05 cánh, 01 máy giặt Toshiba, 01 giường hộp. Chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A thống nhất: Chị Nông Thị Kim H được sở hữu 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 ti vi Sony 32 inch và được chia 1/2 trị giá tài sản mà Hội đồng định giá đã định giá; những tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu của anh Hoàng Ngọc A. Đối với những tài sản khác như bàn kính để ti vi, loa, bình nóng lạnh… các đương sự thống nhất không yêu cầu định giá và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Năm 2008 anh Hoàng Ngọc A mở cửa hàng kinh doanh sơn tại đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Theo chị Nông Thị Kim H, khi mở cửa hàng sơn chị có đóng góp 20.000.000 đồng; thời điểm chị gửi đơn xin ly hôn thì tài sản (sơn) trị giá khoảng 1.000.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng. Chị Nông Thị Kim H yêu cầu được chia 1/2 trị giá tài sản đó.

Anh Hoàng Ngọc A trình bày: Không có việc chị Nông Thị Kim H góp tiền mở cửa hàng sơn, tiền vốn kinh doanh sơn là do anh Hoàng Ngọc A vay Ngân hàng và anh em bạn bè. Doanh thu trung bình của cửa hàng là 150.000.000 đồng/năm, cửa hàng thực hiện nghĩa vụ nộp thuế dưới hình thức khoán với mức thuế là 500.000 đồng/tháng. Năm 2009 anh Hoàng Ngọc A đã đặt Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Công ty sơn ĐV để lấy sơn về bán; năm 2014 thì chuyển sang kinh doanh sơn B với hình thức mua đứt bán đoạn; cuối năm 2018 anh kinh doanh thêm sơn E. Do chị Nông Thị Kim H không hợp tác để đáo nợ Ngân hàng nên anh Hoàng Ngọc A đã phải bán sơn để trả nợ Ngân hàng và trả anh Nông Văn H 200.000.000 đồng. Vì vậy, trị giá tài sản là sơn tại thời điểm định Hội đồng định giá là 339.217.063 đồng.

Về nợ chung:

Theo chị Nông Thị Kim H, thời điểm chị nộp đơn xin ly hôn, vợ chồng chị còn nợ Ngân hàng C Việt Nam, Chi nhánh Lạng Sơn 250.000.000 đồng nhưng trước khi vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm, anh Hoàng Ngọc A đã thanh toán hết nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Chị không biết đến khoản vay của anh Lê Đức L, chị Lương Thúy H; khoản nợ đối với công ty sơn E phát sinh sau khi chị làm đơn xin ly hôn. Vì vậy chị Nông Thị Kim H xác định vợ chồng chị không có nợ chung.

Anh Hoàng Ngọc A trình bày: Hiện nay, ngoài số nợ tiền mua sơn của Công ty E là 309.623.550 đồng anh còn vay anh Lê Đức L 120.000.000 đồng, vay chị Lương Thúy H là 200.000.000 đồng để kinh doanh sơn. Nếu chị Nông Thị Kim H cùng chung trách nhiệm thanh toán số nợ trên thì anh Hoàng Ngọc A đồng ý chia cho chị Nông Thị Kim H 1/2 trị giá tài sản là sơn.

Chị Lương Thúy H trình bày, ngày 08 tháng 10 năm 2018 chị cho anh Hoàng Ngọc A vay số tiền 200.000.000 đồng để kinh doanh; anh Lê Đức L khai ngày 01 tháng 10 năm 2017 anh cho anh Hoàng Ngọc A vay số tiền 120.000.000 đồng. Cả hai đều xác định đây là khoản nợ cá nhân, anh Hoàng Ngọc A có nghĩa vụ thanh toán, không liên quan đến chị Nông Thị Kim H.

Anh Hoàng Ngọc Q và chị Nông Bích H trình bày: Ngày 15 tháng 8 năm 2017 vợ chồng anh Hoàng Ngọc Q và chị Nông Bích H ký hợp đồng thế chấp bất động sản là quyền sử dụng thửa đất số 149, tờ bản đồ số 10; địa chỉ thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để bảo đảm cho khoản vay của anh Hoàng Ngọc A và chị Nông Thị Kim H tại Ngân hàng C Việt Nam, Chi nhánh Lạng Sơn. Nay anh Hoàng Ngọc A đã trả Ngân hàng hết nợ và vợ chồng anh chị đã nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, anh Hoàng Ngọc Q và chị Nông Bích H xác định không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nên không tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng cung cấp văn bản và tài liệu thể hiện: Ngày 14 tháng 8 năm 2017, Ngân hàng cho anh Hoàng Ngọc A và chị Nông Thị Kim H vay 550.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh sơn các loại, thời hạn vay đến hết ngày 14 tháng 8 năm 2018; khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất của anh Hoàng Ngọc A, chị Nông Thị Kim H và quyền sử dụng đất của anh Hoàng Ngọc Q, chị Nông Thị Bích H (02 hợp đồng thế chấp bất động sản). Tính đến ngày 31 tháng 01 năm 2019, anh Hoàng Ngọc A đã thanh toán đủ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng không tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của Ngân hàng.

Tại bảng chi tiết công nợ và công văn kèm theo do Công ty E cung cấp thể hiện anh Hoàng Ngọc A nợ Công ty E số tiền 309.623.550 đồng là tiền mua sơn từ ngày 17 tháng 11 năm 2018 đến ngày 24 tháng 12 năm 2018; Công ty E yêu cầu anh Hoàng Ngọc A có trách nhiệm thanh toán và đề nghị xét xử vắng mặt đại diện Công ty.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã nhận định và căn cứ các Điều 33, 37, 51, 55, 59, 81, 82, 83 và Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 Luật đất đai; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; quyết định:

1. Công nhận chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A thuận tình ly hôn.

2. Chị Nông Thị Kim H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2007 và cháu Hoàng Phi H, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2011 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Ngọc A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/con/tháng; thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu Hoàng Ngọc L, cháu Hoàng Phi H đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và trách nhiệm thanh toán nợ:

Anh Hoàng Ngọc A được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản chung gồm: Thửa đất số 139, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính xã M có diện tích 71,8m^2 và tài sản gắn liền với đất, địa chỉ Khu tập thể N, thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình đã được định giá cùng toàn bộ số sơn ở cửa hàng và ở nhà, ở kho; tổng giá trị tài sản chung là 1.008.880.463 đồng.

Đối với tài sản đã hết khấu hao (không yêu cầu định giá): Chị Nông Thị Kim H được sở hữu 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 ti vi Sony 32inch; số tài sản còn lại thuộc sở hữu của anh Hoàng Ngọc A.

Xác định khoản nợ 309.623.550 đồng đối với công ty E là nợ chung nên anh Hoàng Ngọc A và chị Nông Thị Kim H mỗi người có trách nhiệm thanh toán 1/2 số nợ. Anh Hoàng Ngọc A có trách nhiệm trực tiếp thanh toán toàn bộ số nợ 309.623.550 đồng cho Công ty E.

Xác định khoản vay nợ đối với anh Lê Đức L và chị Lương Thúy H là khoản vay cá nhân của anh Hoàng Ngọc A; anh Hoàng Ngọc A tự chịu trách nhiệm thanh toán.

Anh Hoàng Ngọc A có trách nhiệm bù phần chênh lệch về tài sản chung cho chị Nông Thị Kim H (sau khi đã đối trừ nghĩa vụ trả nợ cho công ty E) số tiền là 349.628.456 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A mỗi người phải chịu 1/2 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; cụ thể số tiền mỗi người phải chịu là 3.300.000 đồng. Chị Nông Thị Kim H đã nộp 6.600.000 đồng, anh Hoàng Ngọc A phải hoàn trả cho chị Nông Thị Kim H số tiền 3.300.000 đồng.

5.Về án phí: Chị Nông Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm và 17.481.422 đồng án phí dân sự có giá ngạch; anh Hoàng Ngọc A phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng và 17.481.422 đồng án phí dân sự có giá ngạch; sung Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, chị Nông Thị Kim H có đơn kháng cáo đề ngày 27 tháng 6 năm 2019 với nội dung: Không chấp nhận khoản nợ Công ty E là nợ

chung; yêu cầu được chia tài sản bằng hiện vật là thửa đất số 139, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính xã M và công trình vật kiến trúc trên đất.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhận được đơn thay đổi, bổ sung đơn kháng cáo đề ngày 28 tháng 8 năm 2019 của chị Nông Thị Kim H, ngoài 02 nội dung kháng cáo như đã nêu ở trên, chị Nông Thị Kim H trình bày:

Không đồng ý với kết quả thẩm định số lượng sơn ở nhà và ở kho vì trong 01 hộp sơn E và sơn B có 04 lon sơn nhưng khi thẩm định không ghi cụ thể số lượng theo lon trong khi lại định giá đối với đơn giá của 01 lon sơn và còn 40 thùng sơn B ở kho nhưng không được thể hiện trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

Không đồng ý với giá trị tài sản là sơn mà Hội đồng định giá đã định giá vì Hội đồng định giá theo giá sơn của phiếu xuất kho của năm 2016 mà không định giá theo giá sơn tại thời điểm định giá.

Đề nghị cộng 250.000.000 đồng vào tổng giá trị tài sản chung vì đây là số tiền do anh Hoàng Ngọc A vay Ngân hàng C Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn hộ anh Hoàng Ngọc Q và chị Nông Bích H.

Yêu cầu nâng mức cấp dưỡng nuôi con lên là 3.000.000đồng/con/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nông Thị Kim H nhất trí với hình thức cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Ngoài ra, chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A thống nhất thỏa thuận, cụ thể:

Chị Nông Thị Kim H được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 139, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính xã M có diện tích 71,8m^2 và sở hữu tài sản tài sản gắn liền với đất, đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 03052 ngày 21 tháng 3 năm 2018 mang tên anh Hoàng Ngọc A và chị Nông Thị Kim H; địa chỉ Khu tập thể N, thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Nông Thị Kim H có trách nhiệm bù chênh lệch về tài sản cho anh Hoàng Ngọc A số tiền là 550.000.000 đồng;

Anh Hoàng Ngọc A được quyền sở hữu 01 bộ bàn ghế gỗ và toàn bộ tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình còn lại (ti vi, tủ gỗ, tủ lạnh, máy giặt, giường, kệ gỗ) cùng toàn bộ số sơn ở cửa hàng, ở nhà và ở kho;

Anh Hoàng Ngọc A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty E khoản nợ chung với số tiền là 309.623.550 đồng;

Chị Nông Thị Kim H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng và án phí dân sự có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ của chị và anh Hoàng Ngọc A;

Chị Nông Thị Kim H, anh Hoàng Ngọc A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nông Thị Kim H đề nghị Hội đồng xét xử công nhận nội dung thỏa thuận nói trên; đề nghị giữ nguyên những nội dung khác như quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là người đại diện hợp pháp Ngân hàng C Việt Nam, người đại diện hợp pháp của Công ty E, chị Lương Thúy H, anh Hoàng Ngọc Q, chị Nông Bích H, anh Lê Đức L đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của họ.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A là hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Do phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A đều nhất trí ly hôn. Tòa án cấp *sơ* thẩm đã công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc An; quyết định giao 02 con chung cho chị Nông Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; buộc anh Hoàng Ngọc A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/con/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nông Thị Kim H nhất trí với hình thức cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên nên Hội đồng xét xử không xem xét đề cập đến nội dung này.

[3] Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh Hoàng Ngọc A đã thanh toán toàn bộ số tiền 309.623.550 đồng cho Công ty E được thể hiện tại phiếu thu số PT 00263 và đơn xin xét xử vắng mặt cùng ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Công ty E.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A đã thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung, trách nhiệm thanh toán nợ và nghĩa vụ chịu án phí cụ thể sau: Chị Nông Thị Kim H được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 139, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính xã M có diện tích 71,8m^2 và sở hữu tài sản tài sản gắn liền với đất, đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H

03052 ngày 21 tháng 3 năm 2018 mang tên anh Hoàng Ngọc A và chị Nông Thị Kim H; địa chỉ Khu tập thể N, thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Nông Thị Kim H có trách nhiệm bù chênh lệch về tài sản cho anh Hoàng Ngọc A số tiền là 550.000.000 đồng. Anh Hoàng Ngọc A được quyền sở hữu 01 bộ bàn ghế gỗ và toàn bộ tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình còn lại (ti vi, tủ gỗ, tủ lạnh, máy giặt, giường, kệ gỗ) cùng toàn bộ số sơn ở cửa hàng, ở nhà và ở kho. Anh Hoàng Ngọc A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty E khoản nợ chung với số tiền là 309.623.550 đồng. Chị Nông Thị Kim H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng và án phí dân sự có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ của chị và cả nghĩa vụ của anh Hoàng Ngọc A. Đối với những nội dung khác, chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A đề nghị giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

[5] Xét thấy, việc thỏa thuận giữa chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 5 và Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Việc sửa bản án sơ thẩm là do tình tiết mới, cấp sơ thẩm không có lỗi.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa theo thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa nên người kháng cáo là chị Nông Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 33, 37, 51, 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 357, 468, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 157; khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, điểm b khoản 7 Điều 27, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận của chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

Chị Nông Thị Kim H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2007 và cháu Hoàng Phi H, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2011 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Ngọc A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/con/tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu Hoàng Ngọc L, cháu Hoàng Phi H đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Đối với tài sản là bất động sản: Chị Nông Thị Kim H được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 139, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính xã M có diện tích 71,8m^2 và sở hữu tài sản tài sản gắn liền với đất, đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 03052 ngày 21 tháng 3 năm 2018 mang tên anh Hoàng Ngọc A và chị Nông Thị Kim H; địa chỉ Khu tập thể N, thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn *(có sơ họa thửa đất kèm theo)*. Chị Nông Thị Kim H có trách nhiệm bù chênh lệch về tài sản cho anh Hoàng Ngọc A với số tiền là 550.000.000 (*năm trăm năm mươi triệu*) đồng.

Đối với tài sản khác: Chị Nông Thị Kim H được sở hữu 01 ti vi Sony 32inch. Anh Hoàng Ngọc A được quyền sở hữu 01 bộ bàn ghế gỗ và toàn bộ tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình còn lại như (ti vi, tủ gỗ, tủ lạnh, máy giặt, giường, kệ gỗ) cùng toàn bộ số sơn ở cửa hàng, ở nhà và ở kho.

4. Về trách nhiệm thanh toán nợ:

Anh Hoàng Ngọc A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty E khoản nợ chung với số tiền nợ là 309.623.550 đồng. Anh Hoàng Ngọc A đã thanh toán toàn bộ số tiền 309.623.550 *(ba trăm linh chín triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn năm trăm năm mươi)* đồng cho công ty E vào ngày 28 tháng 9 năm 2019.

Xác định khoản vay nợ đối với anh Lê Đức L và chị Lương Thúy H là khoản vay cá nhân của anh Hoàng Ngọc A. Anh Hoàng Ngọc A tự chịu trách nhiệm trả anh Lê Đức L số tiền là 120.000.000 (*một trăm hai mươi triệu)* đồng; trả chị Lương Thúy H số tiền là 200.000.000 *(hai trăm triệu)* đồng;

5. Về chi phí tố tụng:

Chị Nông Thị Kim H và anh Hoàng Ngọc A mỗi người phải chịu 1/2 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, cụ thể số tiền mỗi người phải chịu là 3.300.000 đồng.

Chị Nông Thị Kim H đã nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Anh Hoàng Ngọc A phải hoàn trả cho chị Nông Thị Kim H 3.300.000 *(ba triệu ba trăm nghìn)* đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà chị Nông Thị Kim H đã chi trả.

6. Về nghĩa vụ chậm thanh toán: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm:

Chị Nông Thị Kim H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí, cụ thể: Chị Nông Thị Kim H phải nộp là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, 34.962.845 đồng án phí dân sự có giá ngạch và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tổng số tiền án phí mà chị Nông Thị Kim H phải nộp là 35.862.845 *(ba mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi lăm)* đồng, sung Ngân sách Nhà nước.

Số tiền trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Nông Thị Kim H đã nộp theo biên lai số AA/2012/03000, ngày 25 tháng 12 năm 2018 và biên lai số AA/2015/0001833, ngày 11 tháng 07 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Hoàn trả lại chị Nông Thị Kim H 2.346.155 (*hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm năm mươi lăm)* đồng.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- HCTP, P. KTNV & THA;
- TAND TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
-CCTHADS TP. L, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự, người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Thùy